

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *174* /UBDT-TCCB

V/v lập hồ sơ tinh giản biên chế năm 2021
theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP
của Chính phủ

Hà Nội, ngày *25* tháng 02 năm 2021

Kính gửi: Các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế. Ủy ban Dân tộc đề nghị Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thực hiện rà soát đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, lập hồ sơ tinh giản biên chế, dự toán kinh phí tinh giản biên chế năm 2021 như sau:

1. Đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Công chức, viên chức và người làm việc Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là HĐ 68) theo Điều 2 Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các trường hợp tinh giản biên chế

a) Công chức, viên chức trong biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức), thuộc đối tượng tinh giản biên chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;

- Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

- Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân

tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật hoặc trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

b) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ) dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

c) Viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

3. Quyền lợi của công chức, viên chức, HĐ 68 được hưởng khi tinh giản biên chế

a) Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng các chế độ sau:

- Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;
- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động;
- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 (một phần hai) tháng tiền lương.

b) Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và chế độ quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều này và được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động.

c) Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

d) Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

đ) Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế có tuổi tối đa thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;
- Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

4. Hồ sơ chính sách tinh giản biên chế

a) Biên bản họp toàn thể công chức, viên chức của đơn vị xác định đối tượng đưa vào diện tinh giản biên chế của đơn vị.

b) Biên bản họp của tập thể lãnh đạo, chỉ ủy, công đoàn về việc thống nhất danh sách đối tượng tinh giản biên chế của đơn vị.

c) Tờ trình đề nghị tinh giản biên chế kèm theo:

- Đề án tinh giản biên chế năm của đơn vị (theo mẫu đề án TGBC).
- Biểu mẫu theo Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính: biểu 1a, 1b, 1c, 1d và biểu 2.

d) Danh sách trích ngang những đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Thời gian gửi hồ sơ, lập dự toán, phân bổ, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021 như sau:

Các Vụ, đơn vị lập dự toán, phân bổ, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo điểm a khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019. Đối tượng, danh sách, dự toán kinh phí tinh giản biên chế xác định cùng với kỳ lập dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch để đề nghị Bộ Tài chính giao dự toán kinh phí tinh giản biên chế trong dự toán hàng năm của Ủy ban Dân tộc. Nếu các Vụ, đơn vị không lập danh sách đối tượng và dự toán tinh giản biên chế năm kế hoạch để Bộ Tài chính giao thì không có nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Hồ sơ, dự toán sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021 gửi về Vụ Tổ chức cán bộ: **Trước 05/3/2021.**

Bản mềm gửi về địa chỉ email: nguyenthantung@cema.gov.vn để tổng hợp kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

Ủy ban Dân tộc đề nghị thủ trưởng các Vụ, đơn vị nghiên cứu kỹ Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và các nội dung hướng dẫn lập hồ sơ tinh giản biên chế tại Công văn này để thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch tinh giản biên chế của Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT, CN và các TT, PCN (đề b/c);
- Công TTĐT UBĐT;
- Lưu: VT, TCCB (3b).

3

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**



Cầm Văn Thanh

ỦY BAN DÂN TỘC
VỤ, ĐƠN VỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

MẪU ĐỀ ÁN TGBC

ĐỀ ÁN

Tình giảm biên chế năm 2021 theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế
(Kèm theo công văn số UBDT-TCCB ngày tháng năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

Căn cứ Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 108);

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Công văn số..... /UBDT-TCBC ngày tháng năm 20.... của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động thuộc Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBDT ngày của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ đơn vị;

Căn cứ kết quả cuộc họp liên tịch giữa Chi bộ, lãnh đạo vụ, đơn vị và Công đoàn ngày

II. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG CỦA ĐƠN VỊ

1. Tổng biên chế (hoặc số người làm việc được giao): người
2. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động có mặt tính đến 01/01/2021 của vụ, đơn vị:, trong đó:
 - Cán bộ lãnh đạo từ cấp phòng trở lên:người.
 - Cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: người.
3. Số cán bộ, công chức, hợp đồng lao động có chuyên môn, nghiệp vụ có thể đảm nhiệm, hoàn thành công việc được giao: người.

4. Số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động thuộc diện tinh giản biên chế theo điểm a, b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ là:..... người

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở rà soát chức năng, nhiệm vụ nhằm loại bỏ những nhiệm vụ không còn phù hợp, những nhiệm vụ trùng lặp, từ đó sắp xếp lại tổ chức, đơn vị theo hướng thu gọn đầu mối, bỏ khâu trung gian, mỗi cơ cấu được giao nhiều việc, gắn với cải tiến quy chế làm việc, cải cách thủ tục hành chính. Xác định lại cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức và tiêu chuẩn nghiệp vụ cho từng vị trí công việc; đánh giá trình độ, năng lực, kết quả công tác và phẩm chất đạo đức, sức khỏe của từng cá nhân trong đơn vị để tổ chức sắp xếp lại cán bộ, công chức cho phù hợp.

Vụ, đơn vị..... thống nhất:

1. Số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động làm việc ổn định, lâu dài: người.

2. Số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động đề nghị thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108 là người

Dự kiến số lượng và danh sách những người đề nghị áp dụng chính sách tinh giản biên chế, bảng dự toán số tiền trợ cấp cho từng người (đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND) theo mẫu quy định:

- Năm 20...:

T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ và công việc đang đảm nhiệm	Số năm công tác có đóng BHXH	Lý do tinh giản biên chế	Đối tượng tinh giản biên chế (01 trong 4 đối tượng quy định)	Thời gian thực hiện tinh giản biên chế
1							
2							
...							

Bản Đề án này được công bố công khai trước toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, Hợp đồng lao động của đơn vị được biết và thông qua ngày ... tháng năm 20...../.

ĐẠI DIỆN CHI BỘ

**ĐẠI DIỆN LÃNH
ĐẠO VỤ, ĐƠN VỊ**

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN